

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Trần Quang Đông

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST-KDTM, ngày 01 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở chính: Số M, Đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Phạm Quang D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Trần Công M – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng N – Chi nhánh Vĩnh Long, văn bản ủy quyền số: 65/UQ-VLO-HCNS, ngày 08/11/2021 (có mặt)

- Bị đơn: Công ty T

Trụ sở: Số B, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Nguyệt Tuyết N – Chức vụ: Giám đốc Công ty T. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- + Công ty H; trụ sở tại đường H, khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp .

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị U – Chức vụ: Giám đốc.
(vắng mặt)

- + Nguyễn Thị U; địa chỉ số B, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)
- + Nguyễn Nguyệt Tuyết N; địa chỉ số B, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt)
- + Đỗ Thanh H; địa chỉ số B, Đường T, khóm B, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/6/2021 của Ngân hàng N, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Trần Công M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 23/12/2019, Ngân hàng N - Chi nhánh Vĩnh Long (gọi tắt là Ngân hàng N) có thỏa thuận cho Công ty T (gọi tắt là công ty T) vay tiền theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, hạn mức vay là 60 (Sáu mươi) tỷ đồng, thời hạn duy trì mức cho vay 09 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu. Ngoài ra, giữa hai bên còn ký kết các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung, cụ thể sau:

- Số 01/VCB.VLO-KH, ngày 16/7/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, hạn mức cho vay giảm về mức 49.500.000.000đ.

- Số 02/VCB.VLO-KH, ngày 17/7/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, hạn mức cho vay giảm về mức 47.000.000.000đ.

- Số 03/VCB.VLO-KH, ngày 18/9/2020, sửa đổi một số điều của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019, thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 22/12/2020.

Để đảm bảo khoản nợ vay trên, Ngân hàng có nhận thế chấp tài sản theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 404/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/9/2018. Tài sản thế chấp gồm công trình nhà bán hàng, trụ bơm, bồn chứa gắn liền với quyền sử dụng đất CH07067 thuộc thửa 87, tờ bản đồ số 24, diện tích 620m², tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 7888, ngày 20/9/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **405/HĐTC-VLO.KH**, ngày 20/9/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số CP159122 thuộc thửa 88, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.139m², tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 7889, ngày 20/9/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: **115/HĐTC-VLO.KH**, ngày 20/3/2018. Tài sản thế chấp gồm công trình nhà bán hàng, trụ bơm, bồn chứa gắn liền với quyền sử dụng đất CĐ071207 thuộc thửa 10, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.759m² và công trình nhà bán hàng, trụ bơm gắn liền với quyền sử dụng đất CĐ071206 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 24, diện tích 80m², tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 2215, ngày 20/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 16/7/2018; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 26/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03, ngày 20/9/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **116/HĐTC-VLO.KH**, ngày 20/3/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất CĐ071204 thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 24, diện tích 145,3m², tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 2216, ngày 20/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 16/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **133/HĐTC-VLO.KH**, ngày 12/3/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BK469365 thuộc thửa 299, diện tích 500,8m² và số CC899319 thuộc thửa 103, diện tích 1.157,7m², cùng tờ bản đồ 27, tọa lạc tại khóm T, phường T, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh H và Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1884, ngày 12/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 13/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 26/7/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 16/10/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **423/HĐTC-VLO.KH**, ngày 16/10/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BK469365 thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 27, diện tích 500,8m², tọa lạc tại khóm T, phường T, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 8642, ngày 16/10/2018 và đăng ký thế chấp ngày

16/10/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **496/HĐTC-VLO.KH**, ngày 29/11/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BX488186 thuộc thửa 259, diện tích 210,9m² và số BX488187 thuộc thửa 260, diện tích 200,5m², cùng tờ bản đồ 20, tọa lạc tại khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh H và Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10097, ngày 29/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 30/11/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **138/HĐTC-VLO.KH**, ngày 13/3/2018. Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất các số BK079999 thuộc thửa 171, diện tích 1.000,3m² và số CE330600 thuộc thửa 172, diện tích 535,8m², cùng tờ bản đồ 7, tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do Đỗ Thanh H và Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1942, ngày 13/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Kèm theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **134/HĐTC-VLO.KH**, ngày 12/3/2018. Tài sản thế chấp gồm công trình cửa hàng xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất BK194645 thuộc thửa 299, tờ bản đồ số 27, diện tích 500,8m², tọa lạc tại phường Tân Quy Đông, thị xã S, tỉnh Đồng Tháp, do Công ty T đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1882, ngày 12/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 13/3/2018 tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: **135/HĐTC-VLO.KH**, ngày 12/3/2018. Tài sản thế chấp gồm 01 xe Xitec hiệu HINO WU342L, biển số: 66C-044.34 do Công ty T đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1880, ngày 12/3/2018 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 15/3/2018 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: **497/HĐTC-VLO.KH**, ngày 29/11/2018. Tài sản thế chấp gồm 01 xe ô tô hiệu KIA SEDONA, biển số: 66A-036.62 do Công ty H đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10076, ngày 29/11/2018 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 20/6/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: **499/HĐTC-VLO.KH**, ngày 29/11/2018. Tài sản thế chấp gồm công trình trạm xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất CN981559 thuộc thửa 34, tờ bản đồ số 71, diện tích 577m², tọa lạc xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, do bà Nguyễn Thị U

đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10098, ngày 29/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 30/11/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **500**/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/11/2018. Tài sản thế chấp gồm các quyền sử dụng đất số CO 641706 thuộc thửa 137, diện tích 358,5m² và số CO 662931 thuộc thửa số 420, diện tích 400m², cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, ngày 30/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 03/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: **501**/HĐTC-VLO.KH, ngày 30/11/2018. Tài sản thế chấp gồm công trình trạm xăng dầu gắn liền với quyền sử dụng đất CO 641705 thuộc thửa 421, tờ bản đồ số 12, diện tích 244m², tọa lạc ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do ông Đỗ Thanh H và bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N đứng tên. Hợp đồng được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 13094, ngày 30/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 03/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Đến hạn thanh toán nhưng công ty T không thanh toán; nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Tính đến ngày 30/3/2022 công ty T còn nợ các khoản gồm tiền nợ gốc 46.673.124.000đ; tiền lãi trong hạn 4.003.892.000đ; lãi quá hạn 1.762.649.000đ và lãi chậm trả 99.703.000đ. Tổng cộng bằng 52.539.305.000đ. Do công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên ông M đại diện cho nguyên đơn yêu cầu công ty T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 52.539.305.000đ. Trường hợp Công ty T không trả hoặc trả không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại để thu hồi nợ cho nguyên đơn; nguyên đơn được quyền tiếp tục tính lãi như thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn Công ty T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Công ty H, bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H đều không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo phát luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử **đảm bảo** đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vốn, lãi tổng cộng bằng 52.539.305.000đ. Trường hợp bị đơn không khả năng thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy nguyên và bị đơn đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; việc ký kết hợp đồng đều nhằm mục đích lợi nhuận, ngoài ra, giữa nguyên và bị đơn có thỏa thuận Tòa án nơi Chi nhánh của nguyên đơn có trụ sở để giải quyết khi có tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án dân sự, tranh chấp về kinh doanh thương mại “Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã triệu tập bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho bị đơn Công ty T; bà Nguyễn Thị U với tư cách là người đại diện theo pháp luật cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty H; bà Nguyễn Thị U, bà Nguyễn Nguyệt Tuyết N và ông Đỗ Thanh H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để tham dự phiên tòa lần thứ hai nhưng các đương sự vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/VCB.VLO-KH, ngày 16/7/2020, số 02/VCB.VLO-KH, ngày 17/7/2020 và số 03/VCB.VLO-KH, ngày 18/9/2020 giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Vĩnh Long với Công ty T, xét về hình thức và nội dung phù hợp pháp luật, được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, nên có giá trị thi hành đối với các bên tham gia giao dịch. Căn cứ vào các Giấy nhận nợ và Ủy nhiệm chi cho thấy công ty T có nhận tiền của Ngân hàng N là có thật, tính đến ngày 30/3/2022, công ty T còn nợ gốc bằng 46.673.124.000đ và lãi 5.866.181.000đ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định công ty T còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc, lãi bằng 52.539.305.000đ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng mặc dù nguyên đơn đã thông báo nhắc nhở nhiều lần để trả nợ nhưng

bị đơn vẫn không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cho nên, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn hoàn trả tiền gốc, lãi là có cơ sở chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 91, [Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng](#).

[4] Xét việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải chấp, trả lại cho bên thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với các tài sản này. Xét các hợp đồng thế chấp số: [404/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 20/9/2018; số: [405/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 20/9/2018; số: [115/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 20/3/2018; số: [116/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 20/3/2018; số: [133/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 12/3/2018; số: [423/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 16/10/2018; số: [496/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 29/11/2018; số: [138/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 13/3/2018; số: [134/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 12/3/2018; số: [135/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 12/3/2018; số: [497/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 29/11/2018; số: [499/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 29/11/2018; số: [500/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 20/11/2018; số: [501/HĐTC-VLO.KH](#), ngày 30/11/2018 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; xét về mặt hình thức thì các Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung đã được chứng nhận của Phòng công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền là phù hợp với khoản 3 Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 119 của Bộ luật Dân sự và Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017, cho nên, các Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn hợp pháp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự, như vậy, đến thời điểm thanh toán mà bị đơn không khả năng thanh toán thì tài sản thế chấp của bị đơn được xử lý theo phương thức do các bên thỏa thuận hoặc nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí này theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ, do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 160.539.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14](#), ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc Công ty T có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng N các khoản tiền gồm:

- Tiền gốc: 46.673.124.000đ (Bốn mươi sáu tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Tiền lãi: 5.866.181.000đ (Năm tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu một trăm tám mươi một ngàn đồng).

Tổng cộng làm tròn bằng: 52.539.305.000đ (Năm mươi hai tỷ năm trăm ba mươi chín triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng). Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 404/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/9/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 7888, ngày 20/9/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 405/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/9/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 7889, ngày 20/9/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/9/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 115/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 2215, ngày 20/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03, ngày 20/9/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 7890, ngày 20/9/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 116/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 2216, ngày 20/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 20/3/2018 tại Chi nhánh Văn

phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 26/7/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 6290, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **133**/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1884, ngày 12/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 13/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02, ngày 16/10/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 8643, ngày 16/10/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **423**/HĐTC-VLO.KH, ngày 16/10/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 8642, ngày 16/10/2018 và đăng ký thế chấp ngày 16/10/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **496**/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10097, ngày 29/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 30/11/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **138**/HĐTC-VLO.KH, ngày 13/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1942, ngày 13/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 14/3/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01, ngày 26/7/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 6295, ngày 26/7/2018.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **134**/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1882, ngày 12/3/2018 và đăng ký thế chấp ngày 13/3/2018 tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: **135**/HĐTC-VLO.KH, ngày 12/3/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 1880, ngày 12/3/2018 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 15/3/2018 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số: **497**/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10076, ngày 29/11/2018 và đăng ký giao dịch tài sản ngày 20/6/2019 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: **499**/HĐTC-VLO.KH, ngày 29/11/2018, được chứng nhận tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đồng Tháp, số 10098, ngày 29/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 30/11/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: **500**/HĐTC-VLO.KH, ngày 20/11/2018, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, ngày

30/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 03/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: **501/HĐTC-VLO.KH**, ngày 30/11/2018, được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Tạ Thị Thật, số 13094, ngày 30/11/2018 và đăng ký thế chấp ngày 03/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác

2.1. Về án phí

Buộc **Công ty T** chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch bằng 160.539.000đ (Một trăm sáu mươi triệu năm trăm ba mươi chín ngàn đồng).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 78.332.000đ (Bảy mươi tám triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000329, ngày 18/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

2.2. Về chi phí tố tụng khác

Buộc **Công ty T** nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bằng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để hoàn trả lại cho **Ngân hàng N**.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2022), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 659/HĐTD-VLO.KH, ngày 23/12/2019 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/VCB.VLO-KH, ngày 16/7/2020, số 02/VCB.VLO-KH, ngày 17/7/2020 và số 03/VCB.VLO-KH, ngày 18/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Tấn Thành**